

Bài 2

cuu duong than cong. com



Lý thuyết câu

TS. Tran Thi Hong Viet- NEU

Lý thuyết cơ bản- sự lựa chọn của người mua

- Sự tác động lẫn nhau giữa sở thích và hạn chế ngân sách là nguyên nhân dẫn đến việc lựa chọn của người tiêu dùng

cuu duong than cong. com

Các nhân tố truyền thống của câu

- Giá của bản thân hàng hoá
- Thu nhập của người tiêu dùng
- Giá các hàng hoá liên quan
- Thị hiếu người tiêu dùng

cuu duong than cong. com

Các nhân tố khác của cầu

- Chính sách của chính phủ: thông tin, lãi suất
- Sự sẵn có của tín dụng
- Quảng cáo

□□ co d□h c□a c□u

- Là th- ớc đo sự nhạy cảm của l- ợng cầu đối với sự thay đổi của các nhân tố ảnh h- ớng
- Là phần trăm thay đổi của l- ợng cầu đ- ợc gây ra bởi một phần trăm thay đổi trong các yếu tố ảnh h- ớng
- $Q_x^d = f(P_x, P_y, I, \square .)$
- Các loại:
 - Hệ số co dãn của cầu theo giá: E_p
 - Hệ số co dãn của cầu theo thu nhập: E_I
 - Hệ số co dãn của cầu theo giá chéo: E_{xy}

□□ co d□h c□a c□u theo gi□

- Phần trăm thay đổi của l- ợng cầu đ- ợc gây ra bởi một phần trăm thay đổi của giá

$$E_p = \frac{\% \Delta Q_d}{\% \Delta P} = \frac{\Delta Q_d / Q_d}{\Delta P / P} = \frac{\Delta Q}{\Delta P} \times \frac{P}{Q}$$

Eg.: $P_1=8$; $P_2=6$;

$Q_1=40$; $Q_2= 60$

$E_p = -2$

Co d□h ăiợm

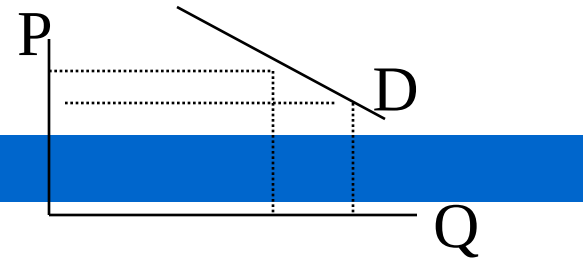
- Co d□n đỉểm: (thay đổi nhỏ, tần suất liên tục)

$$E_p^A = \frac{dQ_d}{dP} \times \frac{P}{Q_d}$$

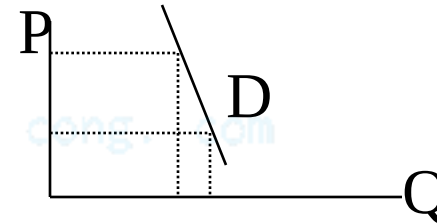
$$\longrightarrow E_p^A = Q'_{(p)} \times \frac{P}{Q_d}$$

Phân loại co dãn của cầu theo giá

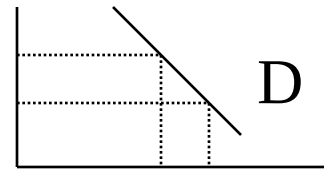
$|E_p| > 1$: cầu **co dãn**
theo giá, ($\% \Delta Q > \% \Delta P$)



$|E_p| < 1$: cầu **không co dãn**
theo giá, ($\% \Delta Q < \% \Delta P$)



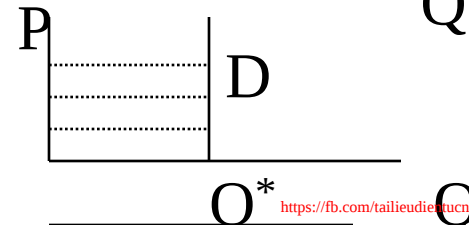
$|E_p| = 1$: cầu **co dãn đơn vị**,
($\% \Delta Q = \% \Delta P$)



$|E_p| = \infty$: cầu **hoàn toàn co dãn**, ($\% \Delta P = 0$)



$|E_p| = 0$: cầu **hoàn toàn không co dãn**, ($\% \Delta Q = 0$)



Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc của cầu theo giá

- Sự sẵn có của hàng hóa thay thế
- Tỷ lệ ngân sách dành cho hàng hóa
- Sự cấp bách của nhu cầu
- Thời gian
- Tính chất của hàng hóa là xa xỉ hay thiết yếu

Định nghĩa của cầu theo thu nhập

- Là phần trăm thay đổi của lượng cầu chia cho phần trăm thay đổi của thu nhập

$$E_I = \frac{\% \Delta Q}{\% \Delta I}$$

- Phân loại:

$E_I > 0$ hàng hóa thông thường

$E_I > 1$ hàng hóa xa xỉ,

$0 < E_I < 1$ hàng hóa thiết yếu

$E_I < 0$: hàng hóa thứ cấp

□□ co d□h c□a c□u theo gi□ch□o

- Là phần trăm thay đổi trong l- ợng cầu của một hàng hóa chia cho phần trăm thay đổi trong giá của hàng hóa kia.

$$E_{xy} = \frac{\% \Delta Q_x}{\% \Delta P_y}$$

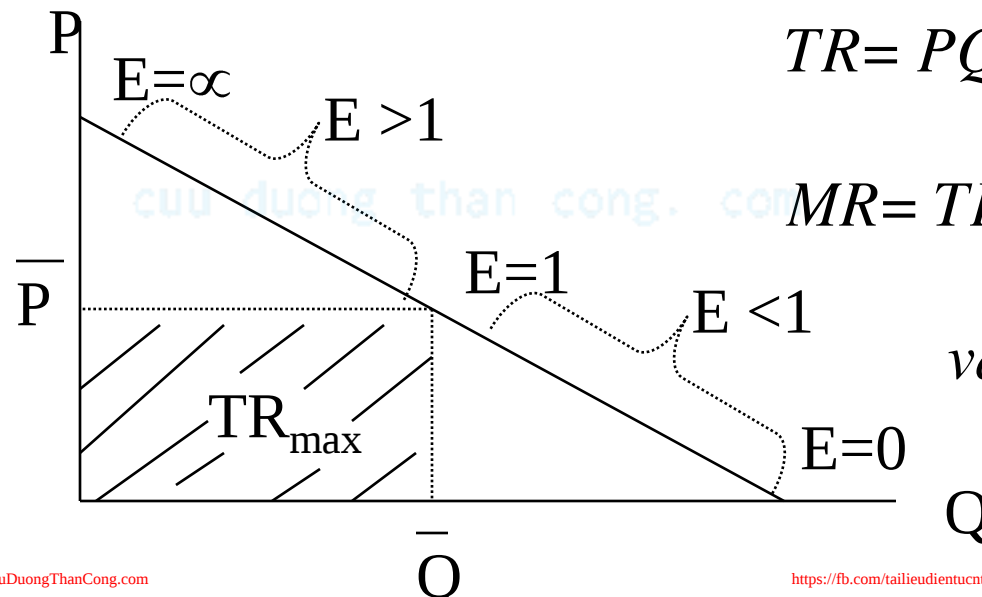
- Phân loại: $E_{xy} > 0$: X và Y là hai hàng hóa thay thế
 $E_{xy} < 0$: X và Y là hai hàng hóa bổ sung
 $E_{xy} = 0$: X và Y là hai hàng hóa độc lập nhau

Ý nghĩa của các hệ số cơ bản

- Mỗi quan hệ giữa hệ số cơ bản của cầu theo giá và tổng doanh thu
- Mỗi quan hệ giữa hệ số cơ bản với chính sách hối đoái
- Hệ số cơ bản và chính sách thuế
- Sử dụng các hệ số cơ bản để dự báo cầu

Mối quan hệ giữa hàm số cơ bản của cầu theo giá và tổng doanh thu

- $E > 1 \rightarrow P \uparrow \downarrow, TR \downarrow \uparrow$
- $E < 1 \rightarrow P \uparrow \downarrow, TR \uparrow \downarrow$
- $E = 1 \rightarrow P \uparrow \downarrow, TR$ không đổi (TR_{max})



$$TR = PQ, TR_{max} \text{ khi}$$

$$MR = TR'_{(Q)} = \frac{\Delta TR}{\Delta Q} = 0$$

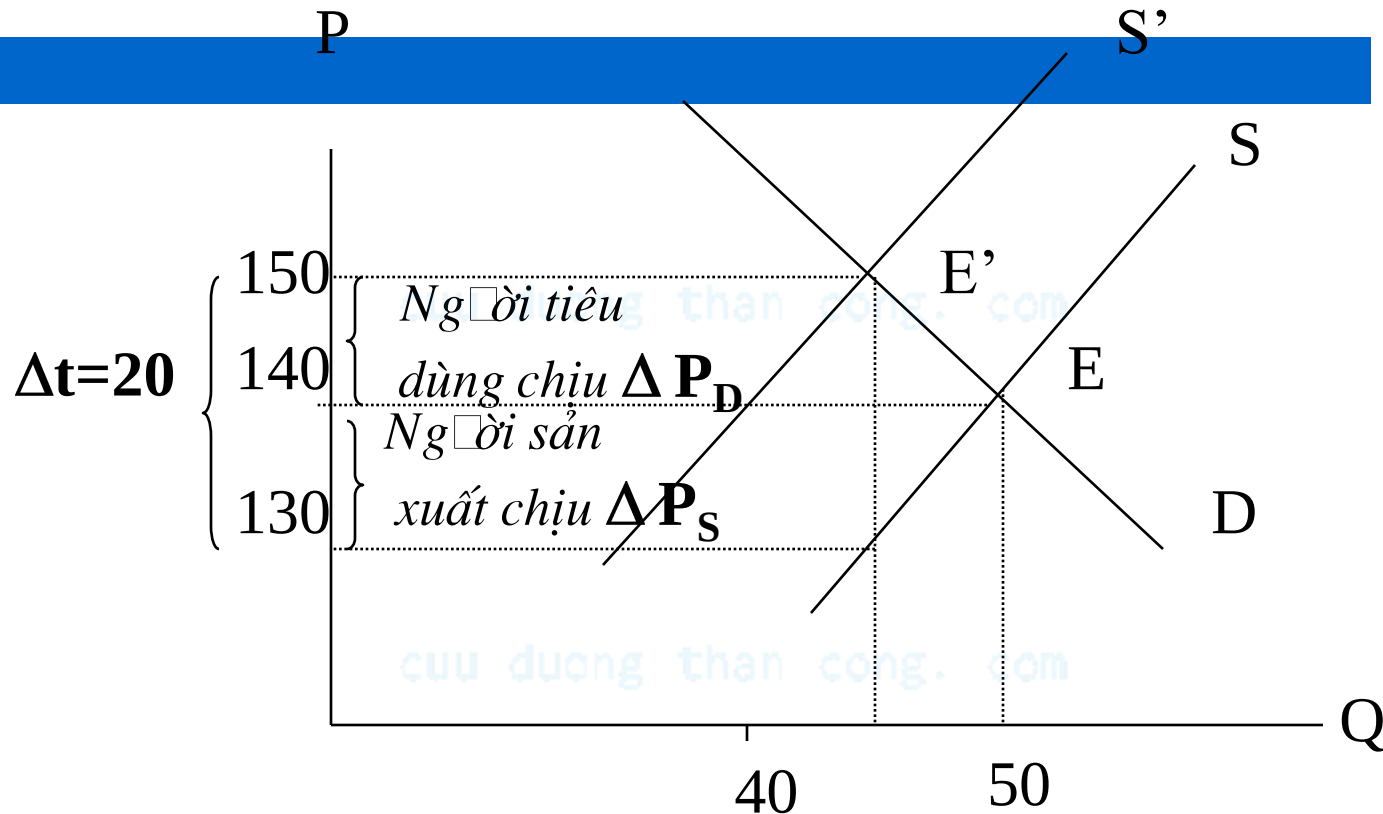
$$\text{và } E_p = 1$$

Chính sách tỷ giá hối đoái

- Việc phá giá của chính phủ cùng với điều kiện Marshall-Lerner sẽ cải thiện cán cân th- ơng mại, $\uparrow NX$
- **Phá giá** là việc chính phủ một n- ớc giảm bớt tỷ giá hối đoái
- Tác động của phá giá:
 - Tăng lợi thế cạnh tranh quốc tế, tăng xuất khẩu, giảm nhập khẩu, bảo hộ sản xuất trong n- ớc, cải thiện cán cân th- ơng mại (**$NX \uparrow$**)
- **Điều kiện Marshall-Lerner: $E_M^P + E_X^P > 1$**
- Việc phá giá của chính phủ sẽ chỉ có ý nghĩa đối với tăng NX khi: **$E_M^P + E_X^P > 1$**

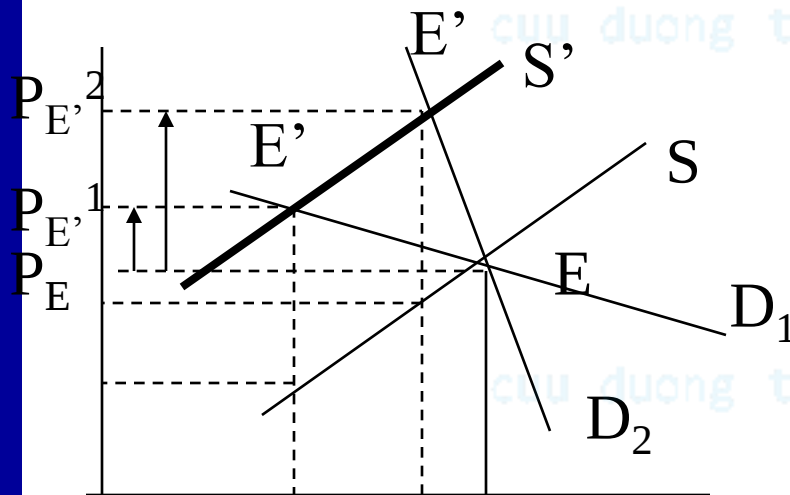
(Trong dài hạn, khi mà cầu hàng xuất và nhập là co giãn (l- ợng hàng xuất tăng nhiều, l- ợng hàng nhập giảm nhiều khi phá giá) thì lúc đó phá giá sẽ có ý nghĩa làm $NX \uparrow$)

Thu thuế giảm cung



Giá cân bằng trên thị trường thay đổi như thế nào với các hệ số co giãn khác nhau ?

Hình h- Ảnh của thuế và sự thay đổi giá cân bằng



-Giả sử co dẫn của cung không đổi, Giá cân bằng tăng nhiều hơn nếu cầu ít co dẫn hơn (ng- ời tiêu dùng chịu nhiều thuế hơn,

-Cầu càng ít co dẫn thì giá cân bằng tăng càng nhiều, ng- ời tiêu dùng càng chịu nhiều thuế hơn ng- ời sx.

-VD: thuốc chữa bệnh hiếm nhập ngoại, xăng dầu, thuốc lá VS. hàng xa xỉ phẩm, điều hoà, máy giặt..

Số dạng các hệ số co dãn ở độ biến dạng

- Các hệ số co dãn cho biết mức độ thay đổi của l- ượng cầu khi các biến số liên quan thay đổi.
Do đó, có thể sử dụng chúng để dự báo l- ượng cầu trong t- ương lai khi biết sự thay đổi của các nhân tố ảnh hưởng như: giá cả, thu nhập..

cuuduongthancong.com

Dự báo cầu- Ví dụ

- Một doanh nghiệp sản xuất máy điều hoà dự báo thu nhập dân c- sang năm tăng 2%, giá điều hoà tăng 1%. L- ượng bán năm nay là 100 chiếc. Biết rằng hệ số co giãn của cầu máy điều hoà theo thu nhập là 1,2 và theo giá là -3. Dự báo l- ượng cầu năm sau.
- $E_p = -3$ nên l- ượng cầu giảm 3%
- $E_i = 1,2$ nên l- ượng cầu tăng 2,4%
- Tổng ảnh h- ưởng làm l- ượng cầu giảm 0,6%, vậy dự báo l- ượng cầu năm sau là 99,4 chiếc

Lý thuyết hành vi ng- ời tiêu dùng

- Mục tiêu của ng- ời tiêu dùng là tối đa hoá lợi ích
- Lợi ích là sự hài lòng, sự thoả mãn mà con ng- ời có đ- ợc từ tiêu dùng của họ.
- Lợi ích là khái niệm trừu t- ợng và phụ thuộc vào mức độ cảm nhận của mỗi ng- ời tiêu dùng riêng biệt.
- Lợi ích khác nhau phụ thuộc vào loại hàng hoá tiêu dùng khác nhau

❑o ❑i ❑ch nh- th❑nào

- Rất khó khăn trong việc đo lợi ích
- Có hai quan điểm về đo lợi ích:
 - Lợi ích đo đ- ợc
 - Lợi ích so sánh đ- ợc

Lý thuyết Lợi ích ảo - Cầu

- Giả định
 - Tính hợp lý
 - Lợi ích đo đ- ợc
 - Lợi ích cận biên của tiền không đổi
 - Lợi ích cận biên giảm dần
 - $TU=f(x,y,z)$

Cân bằng của người tiêu dùng

- So sánh giữa lợi ích cận biên và chi phí cận biên
- $MU = P$
- Nếu thừa tiền có thể cất đi

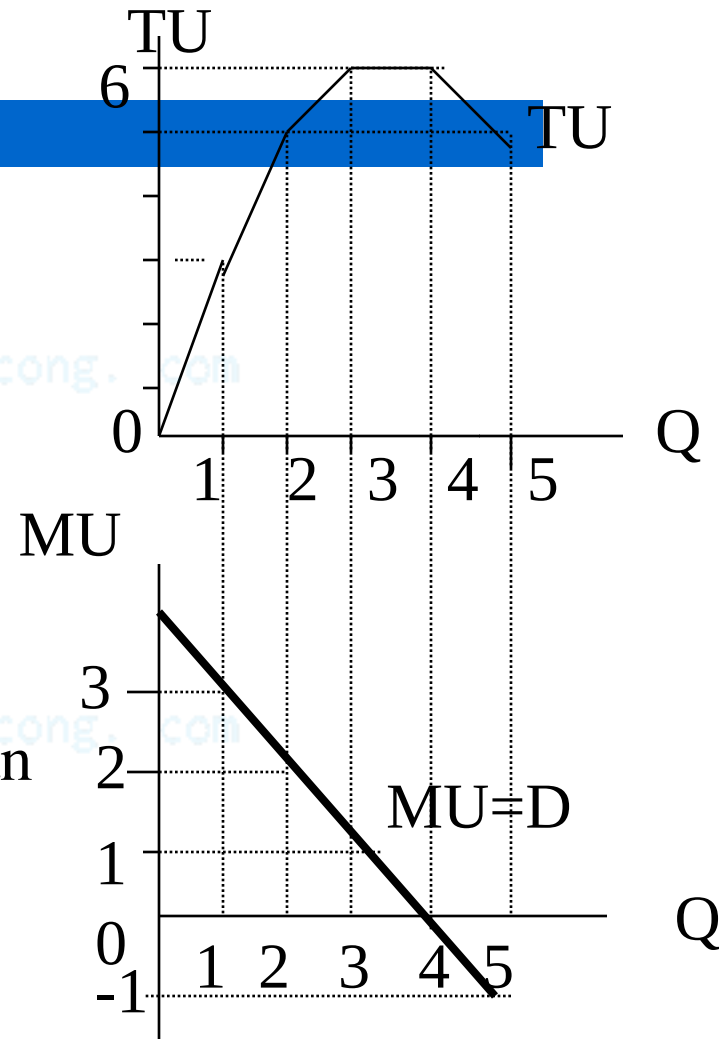
Xác định ảnh hưởng của

<u>Chiếc kem thứ</u>	<u>TU</u>	<u>MU</u>
1	3	3
2	5	2
3	6	1
4	6	0
5	5	-1

Nhận xét: $MU \downarrow > 0 \rightarrow TU \uparrow$ chậm dần

$MU = 0 \rightarrow TU \downarrow$ ma x

$MU < 0 \rightarrow TU \downarrow$



Phản

- Đơn vị đo lợi ích không thuyết phục: Đơn vị chủ quan (util) và đơn vị khách quan.
- Tiền có lợi ích cận biên không đổi: Không thực tế
- Lợi ích cận biên giảm dần

Lý thuyết Lợi ích so sánh - Cầu

- Giả định

- Tính hợp lý
- Lợi ích so sánh đ- ợc
- Tỷ lệ thay thế cận biên giảm dần
- $TU=f(x,y,z)$
- Tính nhất quán và bắc cầu

Cân bằng của ng- ì tiểu đ

- Đ- ờng bàng quan

cuu duong than cong. com

- Đ- ờng ngân sách

- Trạng thái cân bằng

cuu duong than cong. com

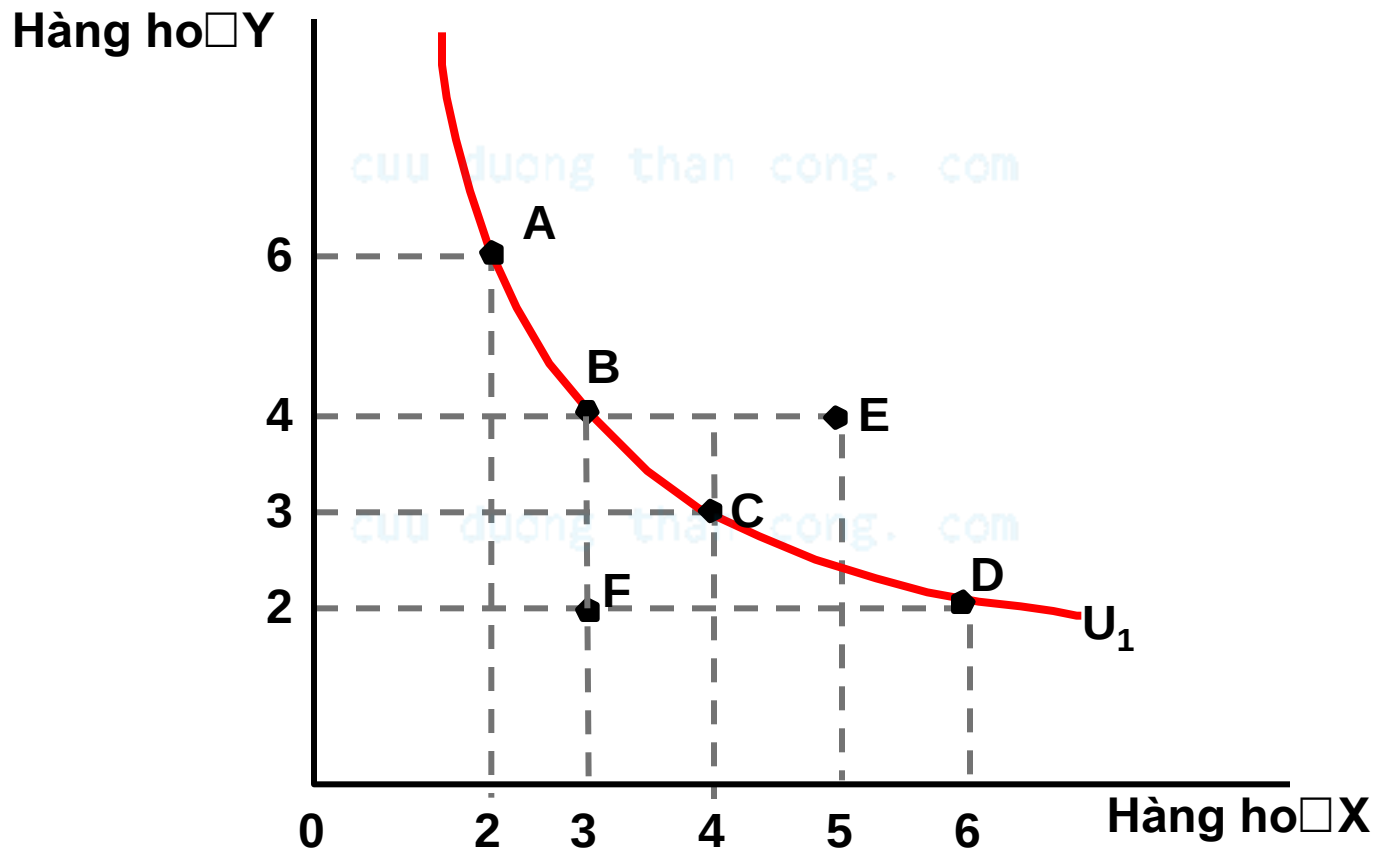
- Sự thay đổi

Các bảng quan

Khái niệm:

- Đ-ờng bàng quan thể hiện các tập hợp hai hàng có cùng mức lợi ích nh- nhau.
- Trong hình 2.1, trục hoành thể hiện số l-ợng hàng hoá X và trục tung thể hiện số l-ợng hàng hoá Y.
- Đ-ờng U_1 trong hình 2.1 là đ-ờng bàng quan (không quan tâm vì mọi điểm trên đ-ờng bàng quan có cùng mức lợi ích)
 - Điểm A (với 6 đơn vị Y và 2 đơn vị X) có cùng lợi ích với điểm B (với 4 đơn vị Y và 3 đơn vị X).
 - Điểm E có lợi ích cao hơn, đ-ợc - a thích hơn
 - Điểm F có lợi ích thấp hơn, ít đ-ợc - a thích hơn

Hình 2.1: Đường bàng quan



□□ đ□c âm c□a ă- □ng bàng quan

- Độ dốc âm của đ- ờng bàng quan chỉ ra rằng nếu ng- ời tiêu dùng phải từ bỏ một số l- ượng hàng hoá Y thì chỉ có một cách duy nhất phải cho họ thêm hàng hoá X để mức thoả mãn vẫn nh- tr- ớc.
- Việc từ bỏ 1 đơn vị Y từ điểm B đến điểm C thì ng- ời tiêu dùng phải nhận đ- ợc một đơn vị X để bù đắp lợi ích cho họ.

□□ d□c âm c□a ă- □ng bảng quan thợ hi□h t□l□thay th□biến gi□m d□h

- Vận động từ điểm A đến điểm B, ng-ời tiêu dùng mong muốn từ bỏ 2 đơn vị Y để có đ-ợc 1 đơn vị X để mức lợi ích không đổi.
- T-ơng tự, ng-ời tiêu dùng sẵn sàng từ bỏ 1 đơn vị Y để có thêm đ-ợc 1 đơn vị X giữa điểm B và điểm C.
- Giữa điểm C và điểm D, ng-ời tiêu dùng chỉ muốn từ bỏ 1/2 đơn vị Y để có thêm 1 đơn vị X.
- Độ dốc của đ-ờng U_1 bằng -2 trong khoảng A và B; bằng -1 trong khoảng B và C; bằng -1/2 trong khoảng C và D

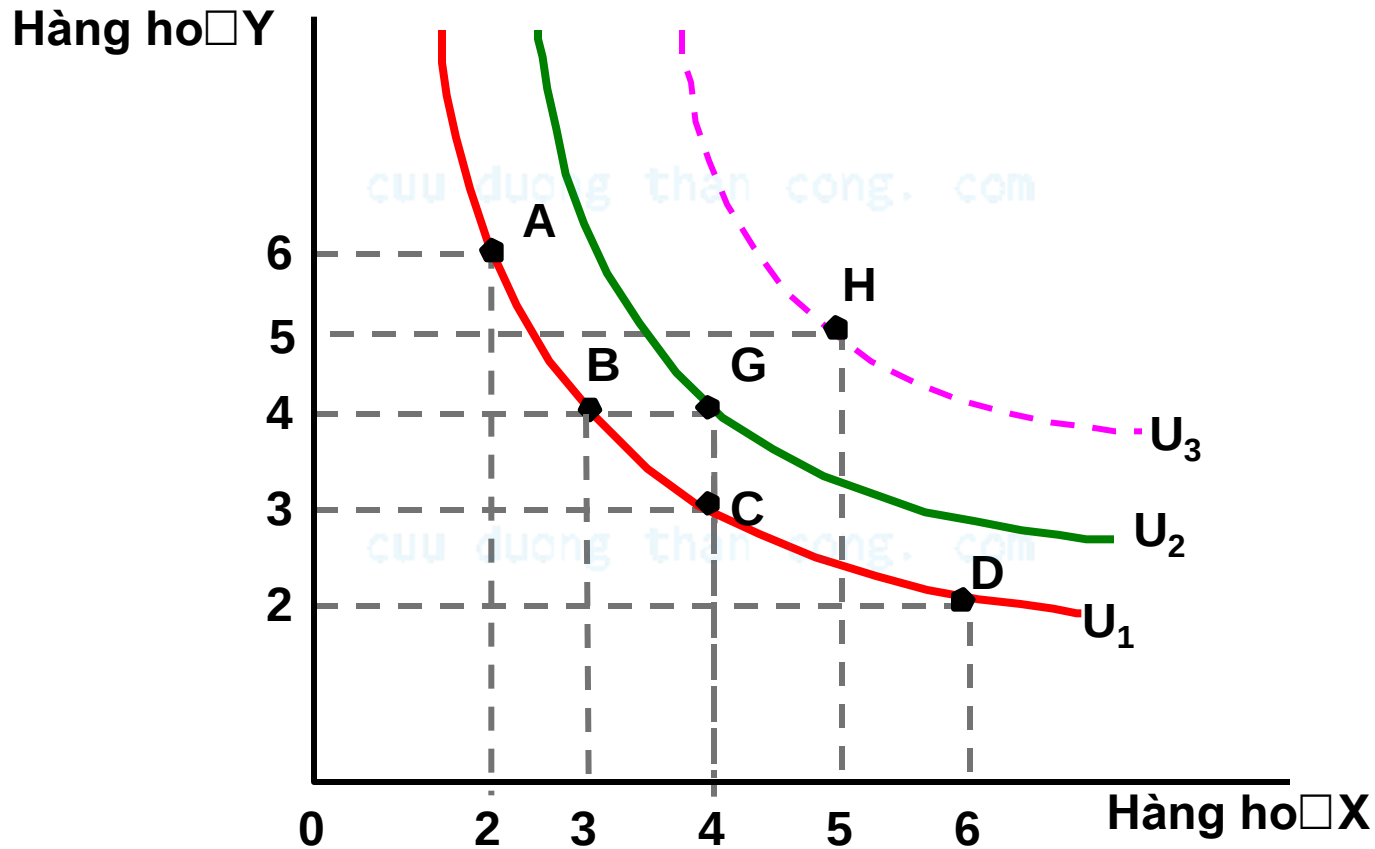
Đ- ờng bàng quan và tỷ lệ thay thế biên giảm dần

- Tỷ lệ thay thế cận biên (MRS): Là l- ượng một hàng hoá mà mỗi cá nhân phải từ bỏ để tiêu dùng thêm 1 đơn vị hàng hoá khác mà không làm thay đổi mức lợi ích.
- Tỷ lệ thay thế biên chính là độ dốc
- Đ- ờng bàng quan có độ dốc (hay tỷ lệ thay thế biên) âm và giảm dần.

Các đ- ờng bàng quan khác nhau và đ- ờng càng xa càng tốt

- Khi mọi tập hợp 2 hàng hoá X và Y mang lại một mức lợi ích nhất định, mọi điểm chỉ có một (và chỉ một) đ- ờng bàng quan đi qua. Các đ- ờng bàng quan không thể cắt nhau
- Bản đồ các đ- ờng bàng quan thể hiện các mức lợi ích khác nhau mà mỗi cá nhân có thể đạt đ- ợc từ mọi khả năng lựa chọn tiêu dùng. Các đ- ờng bàng quan càng xa gốc toạ độ càng có lợi ích lớn hơn
 - Hình 2.2 cho thấy biểu đồ 3 đ- ờng bàng quan.

Hình 2.2: Biểu đồ ảnh hưởng



Mục tiêu và giới hạn của số lựa chọn

- Người tiêu dùng cố gắng lựa chọn hàng hoá đem lại lợi ích cao nhất
- Hạn chế sự lựa chọn của người tiêu dùng là thu nhập của họ, sự ràng buộc thu nhập được biểu diễn bởi đường ngân sách

□- □ng ngân sách

- Ngân sách hạn chế của một cá nhân là giới hạn thu nhập chi tiêu cho các tập hợp hàng hoá và dịch vụ mà cá nhân đó có thể mua.
- Hình 2.3 một cá nhân có một thu nhập nhất định có thể chi tiêu cho hai hàng hoá X và Y.

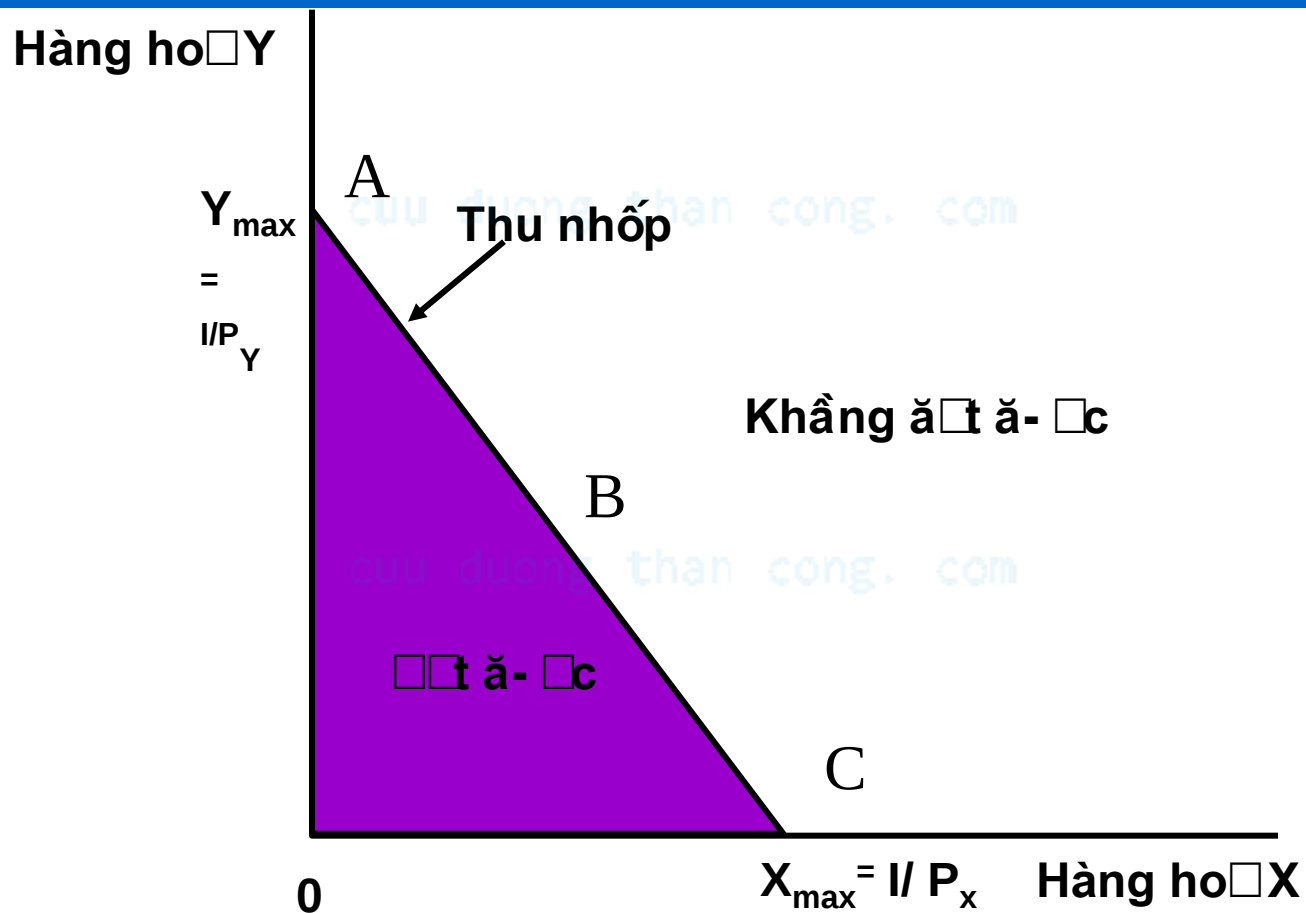
□- □ng ngân s□ch

- Nếu toàn bộ thu nhập chỉ chi cho hàng hoá X (điểm C) thì tối đa $X_{\max}$ đ- ợc mua.
- Nếu toàn bộ thu nhập chỉ chi cho hàng hoá Y (điểm A) thì tối đa $Y_{\max}$ đ- ợc mua.

Kh□ ni□m:

Đ- ờng nối giữa $X_{\max}$ và $Y_{\max}$ thể hiện các tập hợp hai hàng hoá đ- ợc mua với cùng một thu nhập (mọi điểm trên đ- ờng AC trừ A và C).

Hình 2.3: Hình ngân sách



Đ- ờng ngân sách

- Đ- ờng ngân sách dốc xuống phản ánh thực tế rằng nếu tăng chi tiêu cho hàng hoá X thì l- ượng hàng hoá Y sẽ giảm- quan hệ đánh đổi: muốn tăng X thì phải giảm Y vì thu nhập không đổi
- Độ dốc đ- ờng ngân sách chính là l- ượng hàng hoá Y phải từ bỏ để mua thêm đ- ợc 1 đơn vị hàng hoá X

Ph- ơng trình ả- ợng ngân s- ợch

- Giả sử ng- ời tiêu dùng có thu nhập $I\$$ để chi tiêu cho hai hàng hoá X và Y.
- Giả sử giá hàng hoá X là P_x và giá hàng hoá Y là P_y .
- Tổng l- ợng tiêu dùng cho hai hàng hoá X và Y là $X.P_x + Y.P_y$. [2.3]

Ph- ơng trình đ- ường ngân sách

- Viết lại ph- ơng trình 2.3 theo hàng hoá Y, chúng ta có ph- ơng trình tuyến tính nh- sau

$$Y = - \left(\frac{P_X}{P_Y} \right) X + \frac{I}{P_Y} \quad [2.4]$$

- Độ dốc của đ- ường ngân sách ($-P_X/P_Y$) thể hiện chi phí cơ hội của hai hàng hoá X và Y.

Thay đổi giá hàng hoá và ảnh hưởng ngân sách

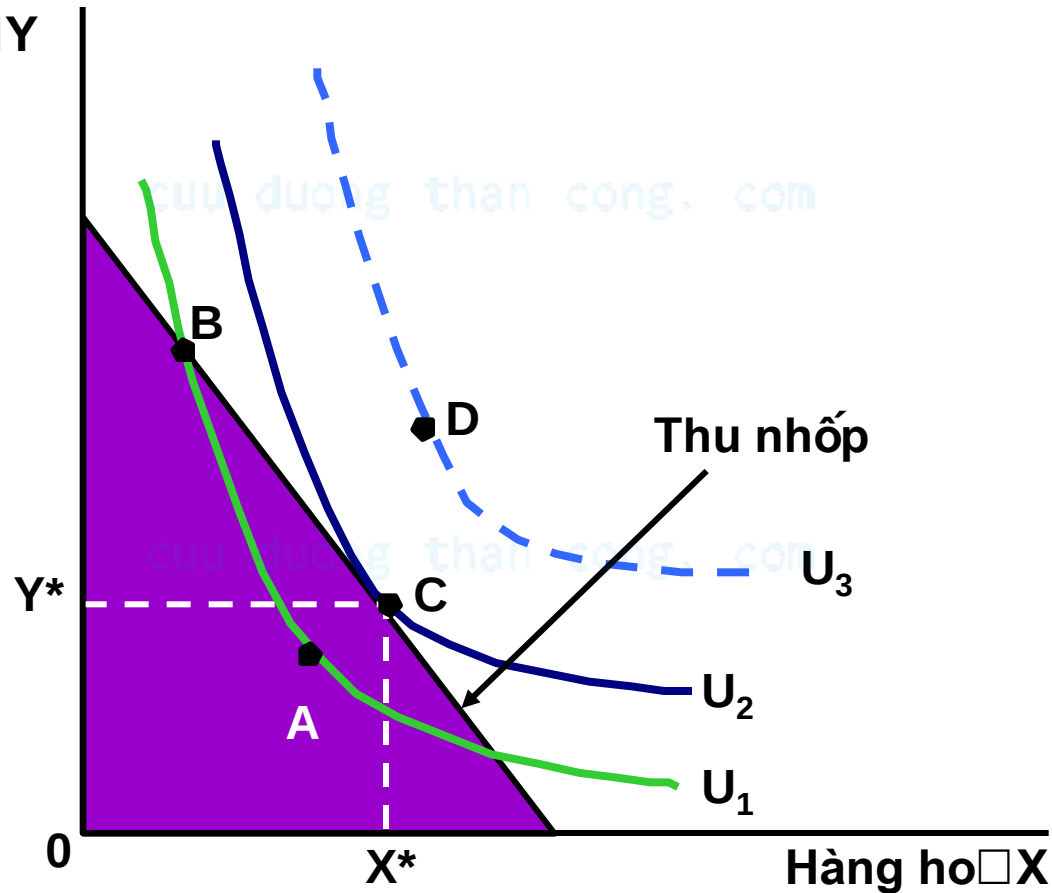
- Nếu hàng hoá Y tương đối đắt hơn hàng hoá X thì đường ngân sách sẽ thoải hơn (P_x giảm, P_y tăng).
- Nếu hàng hoá Y tương đối rẻ hơn hàng hoá X thì đường ngân sách sẽ dốc hơn (P_x tăng, P_y giảm).

Ti ăa ho l ch- Trng th cân bng c a ng- i tiều dng

- Hình 2.4, Điểm A có thể đạt đ- ợc nh- ng ch- a sử dụng hết ngân sách.
- Điểm B có thể đạt đ- ợc nh- ng ch- a phải đ- ờng bàng quan cao nhất mà ng- ời tiêu dùng mong muốn.
- Điểm D nằm trên đ- ờng bàng quan cao hơn điểm C, nh- ng do ngân sách hạn chế nên không thể đạt đ- ợc.
- Điểm C với kết hợp lựa chọn là X^* và Y^* là điểm đạt đ- ợc vì nằm trên đ- ờng ngân sách và đ- ờng bàng quan cao nhất có thể. Nh- vậy, điểm C là điểm tối đa hoá lợi ích.

Hình 2.4: Tối đa hóa lợi ích

Hàng hóa Y



Biện pháp tối ưu hóa chi phí

- Tại điểm C thu nhập đã được tiêu dùng hết.
- Tại điểm C đường bàng quan U_2 tiếp xúc với đường ngân sách nên ta có

Độ dốc đường bàng quan = Độ dốc đường ngân sách

- Hoặc

$$\frac{P_X}{P_Y} = MRS .$$

- Như vậy, khi lựa chọn phân bổ thu nhập cho hai hàng hóa (hàng hóa X và Y) người tiêu dùng sẽ:
 - Chi tiêu toàn bộ thu nhập cho hai hàng hóa đó
 - Lựa chọn tập hợp hàng hóa sao cho tỉ lệ thay thế cận biên của hai hàng hóa bằng tỉ lệ giá của hai hàng hóa.

Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập khi giá hàng hoá thay đổi

- Sự thay đổi giá đồng thời tạo ra ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập
- Thay đổi trong lựa chọn cầu do sự thay thế hàng hoá này với hàng hoá khác khi giá hàng hoá thay đổi, lợi ích không đổi được gọi là **ảnh hưởng thay thế (SE)**.
- Ảnh hưởng này gây ra sự vận động dọc theo đường bàng quan ban đầu. Việc tiêu dùng sẽ thay đổi tương ứng với MRS và tỷ lệ giá mới giữa hai hàng hoá.
- Sự thay đổi trong lựa chọn cầu do thay đổi thu nhập thực tế của người tiêu dùng (thay đổi sức mua) được gọi là **ảnh hưởng thu nhập (IE)**.
- Giá thay đổi làm thay đổi sức mua và người tiêu dùng sẽ dịch chuyển đến đường bàng quan khác phù hợp hơn với sức mua mới.
- Sự thay đổi trong lựa chọn cầu khi giá thay đổi được xác định bằng tổng hai ảnh hưởng thay thế và thu nhập

□nh h- □ng thay thế và □nh h- □ng thu nhập khi giá 1 hàng hoá giảm

- Hình 2.6, ban đầu, tối đa hoá lợi ích với giỏ hàng hoá X^* và Y^* tại điểm A, đường U_1 và ngân sách cũ
- Sau khi P_x giảm làm thay đổi giá tương đối giữa hai hàng hoá, người tiêu dùng thay thế X cho Y và giữ lợi ích không đổi (sức mua không đổi) trên đường U_1 . Giỏ hàng tối - u mới là X_B, Y_B tại điểm B.
- □nh h- □ng thay thế là sự vận động trên đường bàng quan ban đầu đến điểm B.

□nh h- □ng thay th□ khi gi□ gi□m

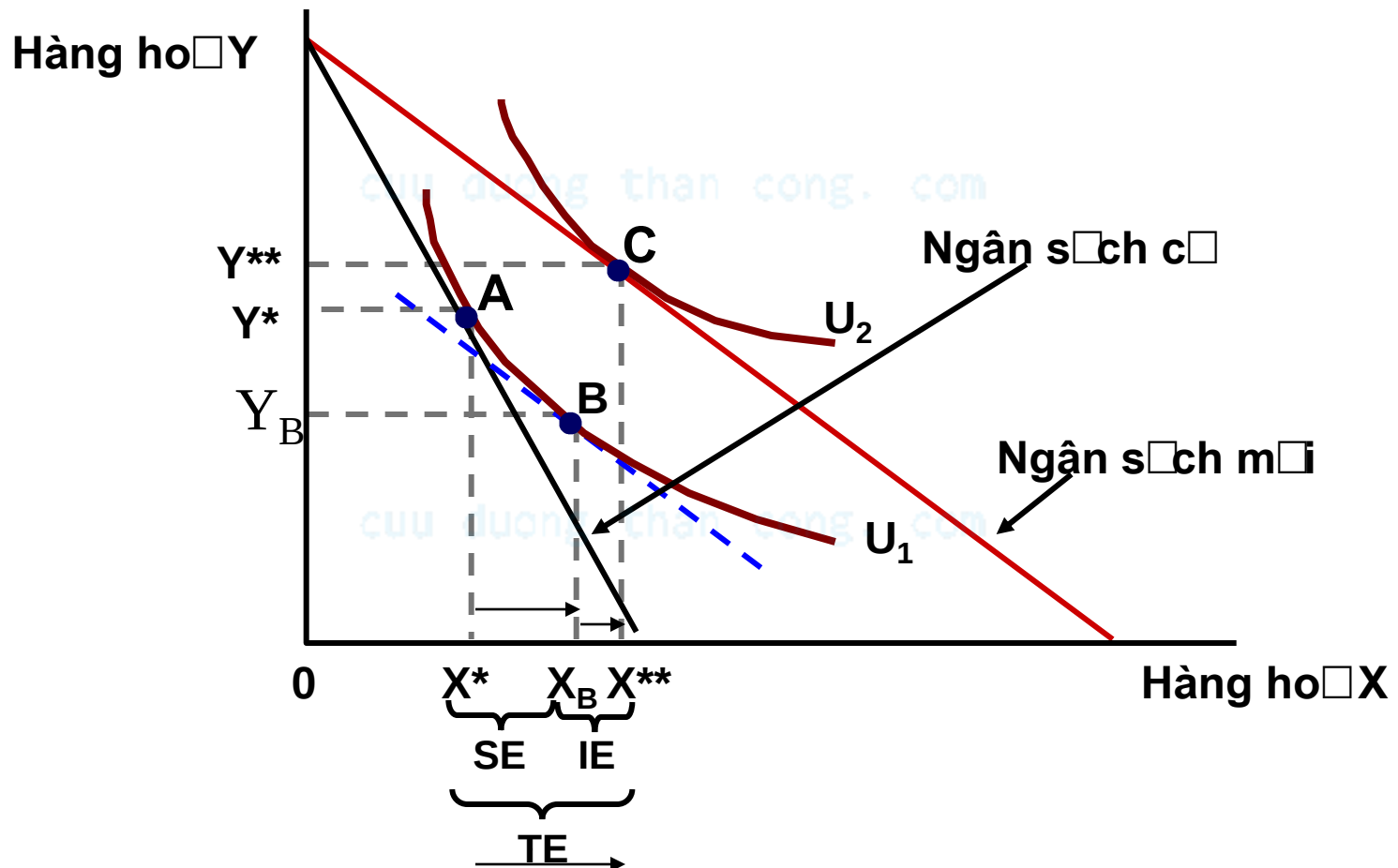
Nếu ng- ời tiêu dùng vẫn ở trên đ- ờng U_1 với tỉ số giá mới, ng- ời tiêu dùng sẽ chọn điểm B vì đó là điểm MRS bằng với độ dốc của đ- ờng ngân sách mới.

- Vẫn giữ lợi ích ở đ- ờng bàng quan ban đầu t- ơng tự nh- chúng ta giữ thu nhập □th□c t□□ không thay đổi.
- Ng- ời tiêu dùng mua nhiều hàng hoá X hơn (X_B).

Ảnh hưởng thu nhập khi giá giảm

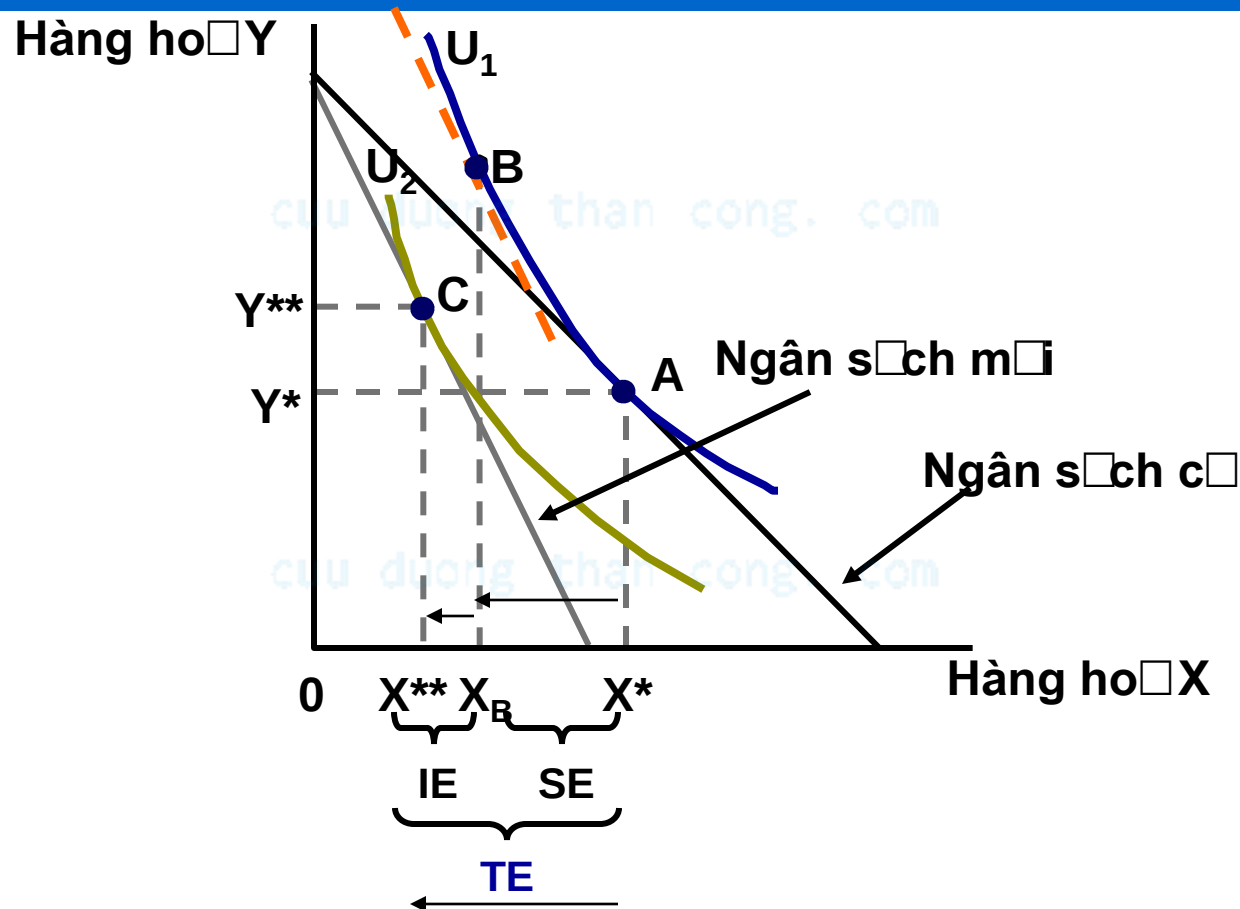
- Tuy nhiên do P_X giảm ảnh hưởng thu nhập tương đối (I) vẫn giữ nguyên làm thu nhập thực tế của người tiêu dùng tăng (sức mua tăng) và làm tăng lợi ích của họ lên U_2 .
- Đường ngân sách mới là đường nằm phía ngoài, thoải hơn đường ngân sách cũ do giá giảm.
- Ảnh hưởng thu nhập là sự dịch chuyển sang đường bàng quan mới do sức mua tăng lên, đến điểm C với giỏ hàng hoá tối ưu mới là X^{**} , Y^{**}
- Người tiêu dùng mua nhiều hàng hoá X hơn (X^{**}).
- Tổng hai ảnh hưởng là TE, như vậy, khi giá giảm làm lợi ích tăng từ X^* lên X^{**}

Hình 2.6: Ảnh hưởng thu nhập và thay thế khi giá hàng hóa giảm - Hàng hóa thường



Hình 2.7: Ảnh hưởng thu nhập (IE) và thay thế (SE) khi giá hàng hóa tăng

hàng hóa thay thế



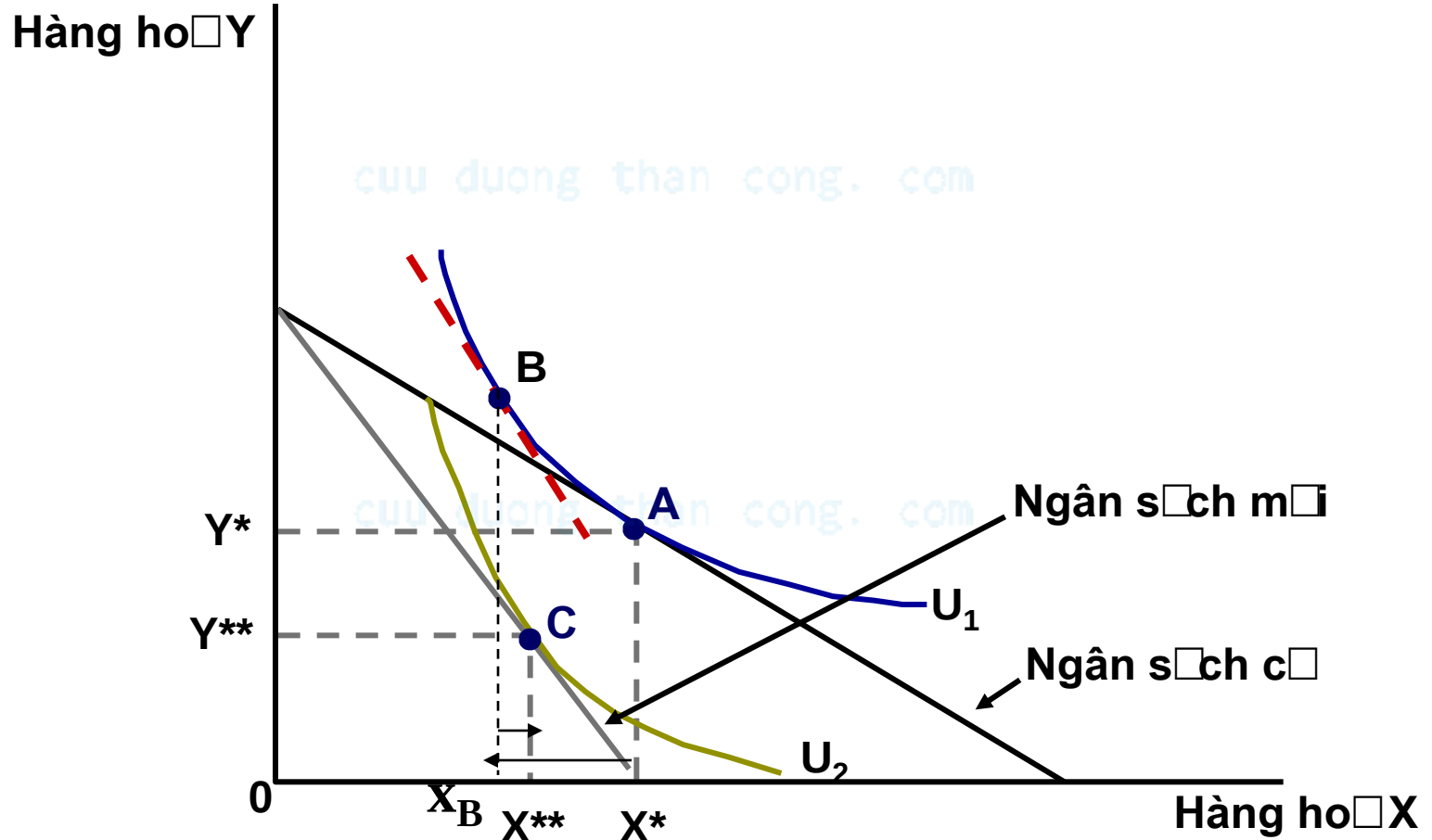
Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập ảnh hưởng hàng hóa thành thế ảnh

- Hình 2.6 và 2.7, ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập vận hành cùng chiều.
- Khi giá giảm, cả hai ảnh hưởng đều làm cho người tiêu dùng mua nhiều hơn, và khi giá tăng mua ít hơn.
- Điều này giải thích đường cầu dốc xuống, và xác định độ dốc của đường cầu.
- Nếu ảnh hưởng thay thế hoặc thu nhập lớn thì thay đổi trong lượng cầu sẽ lớn. Nếu ảnh hưởng thay thế hoặc ảnh hưởng thu nhập nhỏ thì thay đổi trong lượng cầu sẽ nhỏ.
- Các phân tích này cũng cung cấp sự hiểu biết sâu sắc về cách thức thế sử dụng trong thống kê kinh tế.

Ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập ảnh hưởng hàng hoá cấp thấp

- Với hàng hoá cấp thấp, ảnh hưởng thay thế và ảnh hưởng thu nhập vận hành ngược chiều nhau.
- Tiêu dùng giảm (tăng) do giá tăng (giảm) gây ra ảnh hưởng thay thế. Tiêu dùng giảm (tăng) do giá giảm (tăng) gây ra ảnh hưởng thu nhập.
- Hình 2.8 chỉ rõ hai ảnh hưởng khi giá hàng hoá X tăng.
- Ảnh hưởng thay thế, giữ thu nhập thực tế không đổi, thể hiện sự dịch chuyển từ điểm A (X^* , Y^*) đến điểm B trên U_1 . Ảnh hưởng thay thế phản ánh sức mua giảm do giá X tăng.
- Khi X là hàng hoá cấp thấp, giảm thu nhập sẽ làm tăng tiêu dùng và thể hiện sự dịch chuyển từ điểm B (trên U_1) đến điểm tối đa hoá lợi ích mới là điểm C (X^{**} , Y^{**}) trên U_2 .

Hình 2.8: Ảnh hưởng thu nhập và ảnh hưởng thay thế đối với hàng hóa cấp thấp



Ảnh hưởng thay thế và Ảnh hưởng thu nhập ảnh hưởng hàng hoá cấp thấp

- Khi X^{**} nhỏ hơn X^* tức là tăng giá hàng hoá X sẽ làm giảm lượng tiêu dùng hàng hoá X.
- Điều này do ảnh hưởng thay thế lớn hơn ảnh hưởng thu nhập gây ra.
- Như vậy, nếu ảnh hưởng thay thế trội hơn thì đường cầu hàng hoá X vẫn có độ dốc âm.

The End

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com